

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2022

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.
2. Ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/4/2022 và ngày 30/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/3/2022, các Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 28/3/2022, số 17/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 07/4/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 317/TB-TA ngày 14/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy Tr, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn X, xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: Thôn X, xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thùy Tr (sau đây viết tắt là chị Tr) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh V (sau đây viết tắt là anh V) tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 01/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, giữa chị và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, trong công việc làm ăn nên vợ chồng không có hạnh phúc. Bên cạnh đó anh V thường xuyên xúc phạm, đánh đập chị và không quan tâm đến gia đình. Từ cuối năm 2020, chị và anh V không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Giữa chị và anh V có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Kim Th (sau đây viết tắt là cháu Th), sinh ngày 13/02/2016, hiện nay cháu Th đang được anh V chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các đơn xin hoãn phiên tòa ngày 06/8/2021, ngày 05/4/2022 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Thanh V trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Thùy Tr tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trung vào ngày 01/3/2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian anh bị tạm giam thì chị Tr có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, sau khi anh được tại ngoại thì chị Tr tiếp tục tạo cơ hội gây gổ dẫn đến vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng với nhau. Từ cuối năm 2020, anh và chị Tr không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù có những mâu thuẫn nêu trên nhưng vẫn anh mong muốn Tòa án tạo điều kiện về thời gian để chờ kết quả phiên tòa hình sự phúc thẩm xét xử anh vào cuối tháng

7/2020 về tội hủy hoại tài sản thì anh mới có ý kiến và quyết định việc ly hôn của anh và chị Tr.

Về con chung: Anh và chị Tr có 01 (một) con chung là cháu Th, hiện nay đang được anh chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và yêu cầu chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Giữa chị Tr và anh V xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Tr, đồng thời giao con chung là cháu Th cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, buộc chị Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xét; về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét; về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là chị Tr vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 01/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị Tr và anh V xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị Tr và anh V là hợp pháp.

Mặc dù chị Tr và anh V trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống thì cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau và kể từ cuối năm 2020, vợ chồng đã không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Những điều này đã thể hiện chị Tr và anh V vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị Tr và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Việc anh V đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian, hoãn phiên tòa xét xử vụ án này để chờ kết quả phiên tòa hình sự phúc thẩm xét xử anh vào cuối tháng 7/2020 là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ đề nghị này của anh V không phù hợp với quy định của pháp luật và trong thực tế, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay thì anh V và chị Tr cũng không thể bỏ qua mâu thuẫn, không thể đoàn tụ chung sống nên việc kéo dài hôn nhân càng khiến tình trạng mâu thuẫn của anh V và chị Tr trở nên trầm trọng hơn.

Từ những vấn đề đã nêu và căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr.

[3] Chị Tr và anh V có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Kim Th, sinh ngày 13/02/2016. Theo trình bày của các đương sự và kết quả xác minh của Tòa án thể hiện cháu Th đang được anh V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo, phát triển tốt về mọi mặt; cháu Th học tại trường mầm non ở thôn Phú Lễ 2, xã Bình Trung; anh V, gia đình anh V có đủ điều kiện, khả năng để nuôi dưỡng cháu Th. Vì vậy, để ổn định việc sinh hoạt, học tập, đảm bảo quyền lợi của cháu Th và căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Th cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong vụ án này, anh V có yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Th mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của chị Tr và nhu cầu thiết yếu của cháu Th.

[5] Chị Tr và anh V không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản nên không xem xét giải quyết các vấn đề này trong vụ án.

[6] Chị Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 150, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chị Phạm Thị Thùy Tr được ly hôn anh Nguyễn Thanh V.

2. Giao cháu Nguyễn Kim Th, sinh ngày 13/02/2016 cho anh Nguyễn Thanh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Phạm Thị Thùy Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung như đã nêu trên để anh Nguyễn Thanh V thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Buộc chị Phạm Thị Thùy Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Kim Th mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 30/6/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Kim Th đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chị Phạm Thị Thùy Tr phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu số tiền chị Tr đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2018/0003845, ngày 29/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, chị Tr còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Trung;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đô